

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Tinh Hoa

Chủ giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm Malaysia

Thời gian: Ngày 6 Tháng 1 Năm 2010

Tập 13

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, đoạn kinh văn này là phẩm thứ Hai trong Vô Lượng Thọ, kinh văn đoạn thứ nhất là “*Đức Tuân Phổ Hiền*”. Chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này ra.

Kinh văn: “Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung”.

Một đoạn kinh văn này tức là tông chỉ tu học của Tịnh Độ Tông, cổ đại đức đem một chương sau cùng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, cũng là một quyển sau cùng in riêng ra để lưu thông. Vả lại, phụ thêm vào phía sau của Tịnh Độ Tam Kinh thành Tịnh Độ Tứ Kinh, các đồng tu học tập kinh giáo cũng đều biết được vì sao có Tịnh Độ Tứ Kinh. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện được phụ thêm vào phía sau của Tam Kinh là do cư sĩ Ngụy Nguyên, vào giữa thời vua Hàm Phong cuối đời nhà Thanh, do ông ấy phụ thêm vào. Cách làm này rất đáng được tán thán, là để cho mọi người hiểu rõ sự liên hệ của Tịnh Độ Tông và Hoa Nghiêm, là một không phải hai.

Vào thời đại sớm hơn tức là thời đại vua Càn Long, cư sĩ Bàn Tế Thanh có nói, ông ấy đã nói nhiều lần, ông ấy nói kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm. Tôi nghĩ rằng cách làm của cư sĩ Ngụy Nguyên rất hay, ông ấy đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện phụ thêm vào phía sau của Tam Kinh thành Tịnh Độ Tứ Kinh, mà hiện nay chúng ta lại thấy có được Tịnh Độ Ngũ Kinh. Ngũ Kinh này từ đâu mà có? Hiện nay chúng ta đều được biết, vị tổ trong đời cận đại của Tịnh Độ Tông là đại sư Ấn Quang, Ngài là vị tổ thứ mười ba. Đại sư Ấn Quang chọn trong hai mươi lăm Viên Thông Chương của kinh Lăng

Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là chương thứ hai mươi bốn, Ngài đem chương kinh này phụ thêm vào phía sau của Tứ Kinh thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Chúng ta lại nghĩ xem, chúng ta có tìm được một chương kinh nào để phụ vào phía sau, trở thành Tịnh Độ Lục Kinh hay không? Tìm không ra, tại vì sao? Vì đã đầy đủ rồi, thật sự đã đầy đủ rồi. Tại vì sao? Vì Tứ Kinh đồng với Hoa Nghiêm, hay nói cách khác, ở Cực Lạc thế giới tu hạnh gì? Chính là tu phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, vì sao nói phụ thêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là đã đầy đủ rồi?

Trên thực tế, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh gồm có hai trăm sáu mươi chữ, còn Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ. Trước kia tôi giảng kinh, đều gọi nó là tâm kinh của Tịnh Độ Tông, đơn giản, toát yếu. Nếu như nói Bát Nhã Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển quy nạp lại chính là Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh triển khai ra chính là kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển. Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế đã nói hai mươi hai năm, cho nên rất nhiều người đều biết tụng Bát Nhã Tâm Kinh, nhưng rất ít người hiểu được ý nghĩa của Bát Nhã Tâm Kinh, tại vì sao? Nếu thật sự hiểu được, quý vị đã thông suốt kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, đây là sự thật.

Thế nhưng, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, không những là tâm kinh của Tịnh Độ Tông, mà có thể nói nó là tâm kinh của Nhất Đại Tạng Giáo, cũng tức là nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh điển bốn mươi chín năm, tông chỉ cốt yếu của Ngài là nói những gì? Chính là nói Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Nguyên do lịch sử này đã có rất lâu, vào đời nhà Đường, đại sư Thiện Đạo đã từng nói một câu danh ngôn, Ngài nói rằng: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”, chư Phật, chẳng phải chỉ nói riêng Thích Ca Mâu Ni Phật một người, mà là nói khắp pháp giới, hư không giới, hết thấy tất cả chư Phật xuất hiện ở thế gian này, tức nghĩa là có vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật đều xuất hiện trong thập pháp giới. Cõi nước của mỗi một vị Phật đều có thập pháp giới, tất cả chư Phật đều xuất hiện trong thập pháp giới, xuất hiện trong

lục đạo, các Ngài nói những gì? Chính là nói Di Đà Tịnh Độ. Mà nội dung của Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là gì? Nội dung chính là dạy cho chúng ta: “*Điều nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*”, tức là chuyên tu Tịnh Độ. Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại hay tương lai nhất định sẽ thấy Phật, đây là quả. Điều nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục là nhân, quý vị nghĩ xem, niệm Phật là nhân, thấy Phật sẽ thành Phật, thành Phật là quả. Cho nên tổ Ấn Quang đem một chương này phụ thêm vào thì đã đầy đủ rồi, về sau chắc chắn không có Tịnh Độ Lục Kinh xuất hiện.

Chúng ta hiểu rõ cách dụng tâm của lịch đại tổ sư đại đức như vậy, chúng ta đối với pháp môn này, tâm đã khẳng định, kiên cố tín nguyện, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Câu kinh văn này đã nói rõ bốn độ, ba bậc, chín phẩm ở Cực Lạc thế giới, từ Hạ Hạ Phẩm đến Thượng Thượng Phẩm, Hạ Hạ Phẩm là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Thượng Thượng Phẩm là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thấy đều tu đức hạnh của Phổ Hiền. Thì chúng ta đã hiểu rõ, Tịnh Tông và Hoa Nghiêm là một chẳng phải hai, cho nên cư sĩ Bành Tế Thanh có nói, kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, hay nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm chính là đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Ông ấy nói trung bản, đương nhiên còn có tiểu bản, tiểu bản chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm là một mà ba, ba mà một.

Nói sơ lược chính là tiểu bản, nói tường tận chính là đại bản, mà kinh Vô Lượng Thọ thì ngắn gọn, tiện cho việc thọ trì, tức có nghĩa là nói bốn mươi một quả vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, bốn mươi một quả vị này là bắt đầu tính từ Thập Trụ, chẳng tính Thập Tín, tại vì sao? Vì Thập Tín chưa ra khỏi thập pháp giới, tu đến Thập Tín viên mãn rồi mới lên đến Sơ Trụ, mới ra khỏi thập pháp giới, sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tỳ Lô Giá Na Phật, gọi là Pháp Thân đại sĩ, họ thật sự đã thành Phật, họ là chân Phật chẳng phải giả Phật. Thế nhưng, bốn mươi một quả vị này từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và cộng thêm Đẳng Giác, bốn mươi một quả vị này thấy đều phải tu theo Phổ Hiền Bồ Tát niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói ở Hoa Tạng thế giới.

Trước kia tôi còn ở Tân Gia Ba, có vị đồng tu đến hỏi tôi, ông ấy không

phân biệt rõ giữa Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng thế giới, hai thế giới này có gì khác biệt? Thế giới nào thù thắng hơn? Tôi mới nêu ra một thí dụ cho ông ấy dễ hiểu, Hoa Tạng thế giới ví như nước Tân Gia Ba, trong nước Tân gia Ba có một thành phố, thì Cực Lạc thế giới ví như con đường Ô Tiết. Con đường Ô Tiết là một con đường phồn hoa nhất của nước Tân Gia Ba, tôi nói con đường Ô Tiết chính là Cực Lạc thế giới, mà nước Tân Gia Ba ví như Hoa Tạng thế giới, nói như vậy thì mọi người đều hiểu rõ. Cho nên, sanh đến Cực Lạc thế giới là về đến Hoa Tạng, sanh đến Hoa Tạng thế giới cũng là về đến Cực Lạc, là một chẳng phải hai. Thế nhưng mười phương Bồ Tát sanh đến Hoa Tạng thế giới, vẫn phải đi theo ngài Văn Thù và Phổ Hiền đi dạo con đường Ô Tiết, quý vị mới biết Cực Lạc thế giới vô cùng thù thắng.

Phật tại trong các kinh Đại Thừa cũng có nói, mà trong các kinh luận Đại Thừa tán thán Di Đà Tịnh Độ, có đến một, hai trăm loại kinh luận đều có nói, nếu Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể viên thành Phật đạo. Viên là viên mãn, cũng tức là nói viên mãn thành Phật quả, là do tu hạnh Phổ Hiền mà được thành tựu, tức là trong Thiên Thai Tông gọi là Phật quả của Viên Giáo. Nay chúng ta trong đời này được thân người, lại nghe được pháp Đại Thừa, trong pháp Đại Thừa lại có duyên số nghe được Tịnh Độ, nghe được Hoa Nghiêm, đây quả thật là vô cùng hiếm có, vô cùng may mắn. Chúng ta thật sự hiểu rõ, tạo thành Cực Lạc thế giới là do hạnh nguyện Phổ Hiền mà được thành tựu. Nay chúng ta sắp phải đi đến năm 2012, nghe nói trên địa cầu sẽ có đại tai họa, hạnh nguyện Phổ Hiền có thể tạo thành Cực Lạc thế giới, nếu những người ở thế giới này chúng ta đều biết giác ngộ, chuyên tu hạnh Phổ Hiền thì thế giới này của chúng ta đều hóa giải được hết thảy tất cả tai họa, cũng biến thành Cực Lạc thế giới.

Quý vị nghĩ xem, cái lý này chúng ta đã tin rồi, chúng ta phải hết lòng cố gắng mà tu học pháp môn này. Cái pháp môn này, chỉ dạy cụ thể chính là phẩm sau cùng trong kinh Hoa Nghiêm, đó là Thiện Tài Đồng Tử Năm Mươi Ba Tham Vấn. Năm mươi ba tham vấn nói những gì? Nội dung của năm mươi ba tham vấn là nói trong xã hội ngày nay của chúng ta. Nam, nữ, già, trẻ trong các ngành, các nghề, làm thế nào thực hiện hạnh Phổ Hiền, thì Thiện Tài đồng tử đã làm tấm gương cho chúng ta thấy, điều này thật là hiếm có, gọi là Năm

Mười Ba Tham Vấn. Thiện Tài đồng tử cùng với năm mươi ba vị Phật, Bồ Tát biểu diễn, kinh Hoa Nghiêm như là khán đài, dùng phương thức biểu diễn cho chúng ta xem, cũng tức là dạy cho chúng ta phải học Phật như thế nào. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có người xuất gia cũng có người tại gia, nhưng người xuất gia thì không nhiều, chỉ có sáu vị, còn những vị khác đều là người tại gia. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng được tường tận nhất là Hoa Nghiêm Bốn Mười, một phẩm kinh văn này chính là nói Năm Mười Ba Tham Vấn, gồm có bốn mươi quyển kinh văn. Phẩm kinh văn này truyền sang Trung Hoa là hoàn chỉnh nhất, chẳng có thiếu sót, phẩm kinh văn này, ở Trung Hoa, được dịch ra hoàn toàn đầy đủ nhất, nay chúng ta có cơ hội cùng nhau tu học.

Xin xem tiếp một câu: “*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện*”, câu “*vô lượng hạnh nguyện*” này, Hạnh là thực hành, người Hoa nói đốc hành, tức hết lòng làm, còn lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói thật sự làm, hạnh là thật sự làm. Nguyện là chí nguyện, trong Phật giáo nói phát nguyện, quy nạp lại mà nói, chính là “*Tứ Hoàng Thệ Nguyện*”. Tứ Hoàng Thệ Nguyện là “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Tứ Hoàng Thệ Nguyện này là Hạnh Nguyện Phổ Hiền quy nạp thành bốn câu này, triển khai ra tức là vô lượng hạnh nguyện. Triển khai, trong Phật giáo vì để giảng dạy cho dễ hiểu, vô lượng thì quá nhiều, tứ nguyện thì lại quá đơn giản, cho nên Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài dùng Thập Đại Nguyện Vương làm tổng cương lĩnh của vô lượng hạnh nguyện. Thập Đại Nguyện Vương chính là Hạnh Nguyện Phổ Hiền, trong đoạn kinh văn này nói: “*Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*”, cái đức của Phổ Hiền Đại Sĩ chính là Thập Đại Nguyện Vương.

Hạnh Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát tu hành khác với những hành môn khác ở chỗ nào? Là khác ở chỗ dụng tâm của Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài dụng tâm là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Trong tâm Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có phân biệt, chấp trước, Ngài ở Thật Báo Độ của Như Lai, kể cả khởi tâm động niệm cũng không có. Nay chúng ta tu học theo Phổ Hiền Bồ Tát, thật sự tu hạnh Phổ Hiền, phải tu như thế nào mới giống Phổ Hiền Bồ Tát? Vậy thì chúng ta phải buông bỏ tâm phân biệt và tâm chấp trước, thì sẽ giống như Phổ Hiền Bồ Tát

vậy, nếu vẫn còn phân biệt, chấp trước thì chẳng giống, chẳng phải tu hạnh Phổ Hiền. Tuy là tu học Phổ Hiền Thập Nguyên nhưng không phải tu hạnh Phổ Hiền. Tại vì sao? Vì không phải tâm của Phổ Hiền. Đương nhiên tâm của Phổ Hiền là chân tâm, dù chúng ta có học như thế nào cũng là học chẳng giống, cũng là học chẳng được.

Thế nhưng, nhất định phải đi đúng phương hướng, đi theo phương hướng này, đi đúng mục tiêu này, tuy chưa đạt đến, nhưng đi đúng mục tiêu và phương hướng là được rồi. Cũng gọi là tu hạnh Phổ Hiền, tại vì sao? Vì tương lai quý vị nhất định sẽ đạt đến, đây là trong đại kinh thường dạy cho chúng ta, nhất định phải buông bỏ chấp trước. Phải buông bỏ từ đâu? Phải buông bỏ từ tự tự tự lợi, buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, đó không phải là những thứ tốt, đó là sự dụ dỗ mê hoặc trong lục đạo. Nếu quý vị khởi lòng tham, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi, cho nên nhất định phải buông bỏ, sau cùng phải buông bỏ tham, sân, si, mạn, thì phương hướng và mục tiêu của chúng ta là chính xác, nhất định phải bài trừ mấy thứ chướng ngại này.

Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài ở trong hội Hoa Nghiêm, trong rừng Thệ Đa, sau khi xưng tán công đức thù thắng của Như Lai, đây là nói Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài tham dự đại hội, vị Như Lai này là Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người tuyên giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, trong phẩm Ly Thế Gian, chính là phương pháp tu hành của kinh Hoa Nghiêm. Sau khi Phật nói xong thì Phổ Hiền Bồ Tát xưng tán, sau đó Ngài bảo với chư Bồ Tát và Thiện Tài rằng: “*Công đức của Như Lai dù mười phương chư Phật trải qua vô số cõi trần kiếp, nói cũng chẳng thể hết được*”. Ở đây nói Như Lai là tự tánh, cho nên Phật pháp là bình đẳng, công đức của mỗi một người vốn có đủ trong tự tánh, tức là ở đây nói công đức của Như Lai. Thích Ca Mâu Ni Phật có, A Di Đà Phật có, Tỳ Lô Giá Na Phật có, tất cả chư Phật đều có, tất cả chư Bồ Tát cũng có, tất cả chúng sanh cũng có, tất cả nhân loại có, tất cả súc sanh cũng có, cho đến ngựa quý, địa ngục quỷ đều có, quỷ đều đủ, là bình đẳng.

Khắp pháp giới, hư không giới, chẳng những bao gồm hữu tình chúng sanh, mà cũng bao gồm cả vô tình chúng sanh. Vô tình chúng sanh là gì? Là

hoa cỏ, cây cối cũng có, núi sông đất đai cũng có, khắp pháp giới, hư không giới, thủy đều có. Cho nên phải tán thán công đức này, mười phương chư Phật tán thán, trải qua bao nhiêu thời gian? Trải qua vô số cõi trần kiếp. Trần là vi trần, mỗi hạt vi trần thì tính một kiếp, trên địa cầu này có bao nhiêu vi trần? Quý vị có tính được hết hay không? Chẳng phải là một địa cầu, mà là một cõi. Cõi là gì? Cõi là Phật quốc độ, là khu giáo hóa của một vị Phật, trong kinh thường nói ba ngàn đại thiên thế giới là một cõi Phật. Trong một cõi Phật này, nghiền nát thành vi trần, mỗi hạt vi trần là một kiếp, một kiếp này có thời gian bao lâu? Trong Phật pháp nói, kiếp có đại kiếp, trung kiếp và tiểu kiếp.

Tiểu kiếp thì có mấy cách nói, trong kinh thường nói nhất là tính từ thọ mạng của con người, một tăng, một giảm là một kiếp. Lúc thọ mạng của con người ngắn nhất là mười tuổi, đây là nói số tuổi quân bình, lúc ngắn nhất là mười tuổi, lúc đó cuộc sống của con người rất đáng khổ, rất đáng thương. Cứ mỗi một trăm năm thì cộng thêm một tuổi, như vậy cộng đến tám mươi bốn ngàn tuổi, quý vị biết được có thể tính ra có bao nhiêu năm. Khi đã đến tám mươi bốn ngàn tuổi rồi sẽ không còn cao nữa, sau khi đến tám mươi bốn ngàn tuổi lại giảm xuống, cứ mỗi một trăm năm giảm một tuổi. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, ở thế gian này chúng ta là giảm kiếp, cũng tức là vào thời đó của Ngài, thọ mạng của con người quân bình là một trăm tuổi, một trăm năm thì giảm một tuổi, giảm đến thời đại chúng ta, trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, là ba ngàn năm thì đã giảm ba mươi tuổi, hiện tại thọ mạng của con người quân bình là bảy mươi tuổi.

Cho nên một tăng, một giảm là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Vậy có bao nhiêu đại kiếp? Là có trần sát đại kiếp, đây là nói về đại kiếp mà mười phương chư Phật trải qua thời gian dài như vậy, nói cũng không hết, xưng tán cũng không hết. Tại vì sao? Tuy là trần sát đại kiếp, nhưng nó vẫn còn có con số, mà công đức vốn có trong tự tánh là không có con số. Đúng vậy, trong kinh Phật nói là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, đây là nói thật, tán thán cũng không hết. Quý vị nên biết, đây là công đức vốn có trong tự tánh của chúng ta. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, chỉ là một vi trần trong trần sát đại kiếp mà thôi, làm sao có thể nói hết được? Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm, làm sao có thể nói

hết được? Nói chẳng hết. Tại sao nói như vậy? Nếu quý vị thật sự nghe hiểu, thật sự minh bạch, quý vị mới biết được là phải nên thành Phật, phải gấp rút thành Phật. Thành Phật được đại viên mãn, được trí tuệ viên mãn, được công đức viên mãn, được sống lâu, vô lượng thọ, thật sự được đại tự tại. Cái phước báo này, nhân gian cõi trời chẳng thể sánh bằng, đó mới thật sự là hưởng thụ.

Cho nên quý vị hãy xem, trong kinh Hoa Nghiêm nói, y chánh trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, và xem trong kinh Vô Lượng Thọ nói, y chánh trang nghiêm Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. Phật chỉ là nói sơ lược mà thôi, thì chúng ta sẽ vô cùng cảm thán, tại sao ở thế gian này chịu khổ, chịu nạn? Vì đã làm sai, đã làm sai quá nhiều, thật sự mà hiểu rõ minh bạch rồi, quý vị sẽ hồi đầu. Hễ biết hồi đầu thì đó là Phật, Bồ Tát thị hiện. Phật, Bồ Tát thị hiện để làm gì? Thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh, có chịu khổ hay không? Bề ngoài nhìn thấy hình như chịu khổ, trên thực tế chẳng có khổ chút nào. Như năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài trụ thế tám mươi tuổi, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, sống cuộc sống khổ hạnh Tăng, một ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, ba y một bát, người thế gian chúng ta nhìn thấy Ngài, cảm thấy rất khổ, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật không có khổ chút nào. Tại vì sao? Vì Ngài chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, Ngài đến cõi thế gian này là thị hiện cho chúng sanh thấy.

Có nghĩa là, khi chúng sanh nhìn thấy, liền thật sự biết giác ngộ, những người thiện căn sâu dày vừa nhìn thấy liền khai ngộ, không cần phải nghe kinh, chẳng cần phải học giáo họ liền khai ngộ. Những người thượng thượng căn vừa nhìn thấy thì khai ngộ, còn những người thượng, trung, hạ căn thì không được, những người thượng, trung, hạ căn cần phải học giáo, cho nên phải nghe kinh, phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Theo thông thường những người thượng căn thì sẽ được thành tựu, còn những người trung, hạ căn thì không nhất định, thế nhưng những người có duyên với Tịnh Độ mà gặp được Phật nói pháp môn này, Phật nói pháp môn này là Ngài thật sự vô cùng từ bi. Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, bất luận Ngài giảng kinh gì, cũng chỉ giảng một lần, chẳng có giảng lại. Chỉ riêng giảng kinh Vô Lượng Thọ, chư cô đại đức có nói, Ngài giảng qua ít nhất ba lần, chẳng phải chỉ giảng có một

lần, đây là nói ít nhất.

Quý vị nên biết, ở Trung Hoa từ đời nhà Hán đến đời nhà Tống, trong khoảng tám trăm năm, kinh Vô Lượng Thọ đã từng được phiên dịch qua mười hai lần. Cũng tức là nói, kinh Vô Lượng Thọ có mười hai loại bản dịch khác nhau, thế nhưng, trong đó đã thất truyền bảy loại bản dịch, vì vào thời đó chưa có phát minh kỹ thuật ấn loát, đều là dùng tay sao chép kinh điển, số lượng rất ít, rất dễ thất truyền. Đến đời nhà Tống mới bắt đầu có biên tập Đại Tạng Kinh, nghĩa là thu thập tất cả kinh điển của Phật, biên thành một bộ Tàng Thư, phân chia các môn các loại, đem nó chỉnh lý rõ ràng. Cho đến bây giờ chỉ thu thập được năm loại kinh Vô Lượng Thọ, còn bảy loại khác thì tìm không ra, trong bảy loại bản gốc đó, sự khác biệt rất lớn, cho nên cổ nhân nói, bản gốc nhất định không phải chỉ có một loại. Nếu bản gốc là một loại, khi phiên dịch ra, đương nhiên người phiên dịch khác nhau, phiên dịch câu kinh văn cũng khác nhau, thế nhưng phần nhiều kinh văn chẳng có khác biệt, đây là cái lý nhất định.

Mà câu kinh văn rõ ràng nhất, cũng là quan trọng nhất là những lời phát nguyện của A Di Đà Phật, chúng ta thường nói Bốn Mươi Tám Nguyện, trong năm loại bản gốc này, có hai loại bản là bốn mươi tám nguyện, cũng có hai loại bản là hai mươi bốn nguyện, và một loại bản là ba mươi sáu nguyện. Theo bản dịch của đời nhà Tống, trong kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm là ba mươi sáu nguyện, điều này chẳng thể có khác xa như vậy, không thể có hiện tượng này. Vì sao lại rõ ràng như vậy? Là những lời nguyện quan trọng như vậy dịch thành ba bản khác nhau, hai mươi bốn nguyện, bốn mươi tám nguyện và ba mươi sáu nguyện. Cho nên cổ đại đức xem thấy chỗ này thì khẳng định, từ Ấn Độ truyền kinh Vô Lượng Thọ đến Trung Hoa, ít nhất có ba loại bản gốc khác nhau, cho nên khi phiên dịch ra mới thành ba bản khác nhau, nếu không thì chẳng thể có khác nhau, còn bảy loại bản dịch đã thất truyền nên không biết. Cho nên mới nói, năm xưa Thế Tôn còn tại thế, ít nhất đã giảng qua ba lần kinh Vô Lượng Thọ, cách suy đoán này rất là hợp lý. Nhiều lần tuyên giảng thì đương nhiên khác nhau, tức là nói rõ pháp môn này rất quan trọng, pháp môn này khác với những pháp môn khác. Hy vọng quý vị sau khi đã hiểu rõ, phải nên trân quý.

Phổ Hiền Bồ Tát lại nói tiếp: “*Nếu muốn thành tựu pháp công đức này, thì phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn*”, đây là Ngài khuyên chúng ta tu học. Nếu quý vị muốn thành tựu Tánh Đức, tức công đức vốn có trong tự tánh, nay chúng ta mê mất tự tánh, trong tự tánh vốn có vô lượng công đức, nay tại sao không có? Quý vị nên biết, vì đã trở thành vô lượng phiền não. Vốn là có vô lượng công đức, nay đã trở thành vô lượng phiền não, vậy phải làm thế nào từ vô lượng phiền não trở về đến vô lượng công đức? Thì phải tu mười điều hạnh nguyện này. Mười điều hạnh nguyện này có thể giúp cho chúng ta chuyển phiền não thành Bồ Đề, cho nên mười nguyện này rất quan trọng.

- Nguyện thứ nhất là “*Lễ kính chư Phật*”, trước tiên nói lễ kính. Trong Phật pháp Đại Thừa, nhất là hạnh Phổ Hiền, là Đại Thừa trong Đại Thừa, điều chú trọng đầu tiên chính là Lễ. Chúng ta hãy nghĩ xem, lão tổ tông của chúng ta, ở Trung Hoa, cổ thánh tiên hiền đối với lễ rất chú trọng, người hiền nay thường nói, đặc sắc của Trung Hoa, tinh thần của Trung Hoa. Cũng có người hỏi tôi: “Đặc sắc của Trung Hoa là gì? Tinh thần của Trung Hoa là gì?” Thì tôi nói: “Dùng một chữ để đại biểu, dùng một chữ Hiếu, tức hiếu đạo, là đặc sắc của Trung Hoa, là tinh thần của Trung Hoa”, nếu nói tường tận, tức là bốn khoa mục là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Đây là cụ thể nói rõ đặc sắc và tinh thần của Trung Hoa. Trong bốn khoa mục này, chú trọng nhất là nhân, nghĩa, lễ. Tại vì sao? Vì nói được nhiều nhất. Trong ngũ luân nói: “*Quân thân hữu nghĩa*”, trong ngũ luân có nghĩa. Trong ngũ thường nói: “*Nhân, nghĩa*”, trong ngũ thường cũng có nghĩa. Trong tứ duy nói: “*Lễ, nghĩa*”, trong tứ duy cũng có nghĩa. Trong bát đức nói: “*Tín, nghĩa*”. Quý vị thấy, trong bốn khoa mục này đều có nghĩa, cho nên đối với “*nghĩa*”, rất chú trọng.

Kế đến là nhân, nhân cũng có bốn chữ, trong ngũ luân nói: “*Phụ tử hữu thân*”, thân tức là nhân, là nhân ái, cho nên trong ngũ luân có nhân. Trong ngũ thường nói nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, cũng có nhân. Trong tứ duy thì không có, còn trong bát đức có nói hai chữ: “*Nhân ái hòa bình*”, nhân ái cũng là nhân, cho nên có hai nhân, một chữ thân, một chữ ái, quý vị thấy, đây là tinh thần của người Trung Hoa. Cho nên khi Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, bảo với Lương Huệ Vương rằng: “*Không nên nói lợi, hãy còn có nhân nghĩa*”, nhân nghĩa là đại biểu cho nhà Nho. Trong sách có câu: “*Không viết thành*

nhân”, tức Không Tử nói nhân, “*Mạnh viết thủ nghĩa*”, tức Mạnh Tử nói nghĩa. Nói nhân, nghĩa, lễ, đã nói ba chữ, cho nên đối với lễ rất là chú trọng. Trong tứ duy nói lễ, nghĩa, chữ đầu tiên là lễ, lễ, nghĩa, liêm, sĩ. Trong ngũ thường nói nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng có lễ. Trong bát đức có nói lễ, đã nói ba chữ, đây cũng là rất chú trọng. Lễ và Kính thường hợp lại với nhau như “*Lễ kính chư Phật*”, mọi người đều có lễ thì xã hội hòa hài, đã hóa giải mâu thuẫn, đã hóa giải xung đột. Quý vị muốn mắng người, chỉ trích một người nhưng thấy người ta vô cùng cung kính đối với quý vị, quý vị có mắng được hay không? Khi quý vị nhìn thấy một người có lễ phép, theo xưa kia, họ quý xuống lay quý vị ba lay, quý vị còn lời gì để nói? Cho nên ở Trung Hoa xưa kia được gọi là “*lễ nghĩa chi bang*”, một xã hội hòa hài, giáo dục xã hội của Trung Hoa là lễ và nghĩa, cho nên thường gọi chung là lễ nghĩa, là giáo lễ, giáo nghĩa.

Tại trong Phật pháp, tức trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói Tam Phước, điều thứ nhất là nói: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*”, tức là hiếu thân và kính thầy, đây là căn bản đặc sắc của Trung Hoa. Người Hoa, họ học như thế nào mới thành bậc thánh hiền, quân tử? Chính là học từ cái căn bản này mà ra, hiếu thân và tôn sư. Tôn sư là trọng đạo, trong nội tâm rất chú trọng đạo, tức là nay chúng ta gọi là giá trị quan. Giá trị quan của người Hoa là gì? Là nhân, nghĩa, giá trị quan của người Hoa là hiếu thân, tôn sư, khác với người phương Tây. Người phương Tây là chủ nghĩa công lợi, hoàn toàn khác với chúng ta. Người phương Tây nghĩ rằng giàu có mới được vui, người Hoa thì khác, người Hoa nghèo mà vui, nếu giàu có lại càng vui hơn. Người ngoại quốc nghèo họ thấy khổ, người Hoa nghèo họ vẫn vui sướng, họ chẳng có buồn rầu. Đây là hai nền văn hóa khác nhau, giá trị quan khác nhau và hạnh phúc đời người cũng khác nhau.

Cho nên lễ và kính, chúng ta phải nên học theo các bậc thánh hiền và chư Phật, Bồ Tát. Muốn vào cửa, nếu không có lễ, không có kính, quý vị mãi mãi chẳng thể vào cửa được, xưa kia thầy giảng dạy, thầy thường hay nói với chúng tôi, một người học trò có mười phần thành kính đối với vị thầy, nó chân thành cung kính đến gặp vị thầy xin cầu học, nếu vị thầy chỉ dạy cho nó chín phần. Nó có tâm thành kính mười phần mà chỉ dạy cho nó chín phần, vị

thầy có lỗi với học trò, vị thầy chẳng dạy hết cho nó thì có lỗi với học trò. Nếu đưa học trò này chỉ có một phần thành kính, vị thầy chẳng bao giờ dạy cho nó hai phần, tại vì sao? Vì nó chỉ có thể tiếp nhận một phần, nếu cộng thêm một phần cho nó, đầy là đã đầy tràn, nó chẳng thể tiếp nhận, sẽ lãng phí thì giờ, lãng phí tinh lực. Vị thầy làm sao nhìn ra đưa học trò có tâm thành kính? Là ngay trong lúc lễ kính, điều này rất quan trọng, vị thầy chẳng phải là thần tiên, không có tha tâm thông, chỉ cần trong tâm thành kính thì sẽ lộ ra ngoài, đây là sự phản ứng nội tâm của quý vị lộ ra ngoài.

Trước tiên vị thầy quan sát quý vị có thành thật hay không, thành thật là điều kiện đầu tiên, lại quan sát quý vị có hiếu thuận hay không, sau đó lại quan sát quý vị đối với bậc trưởng bối có cung kính hay không. Phải căn cứ vào sự thật mà quan sát, đối với bậc trưởng bối phải tôn kính, đối với thầy đương nhiên phải tôn kính, sự tôn kính này là thật, phát xuất từ trong nội tâm, tâm chân thành không phải giả vờ, thì vị thầy mới thật sự hết lòng dạy dỗ cho nó. Trước kia tôi ở Đài Loan đã từng thân cận với ba vị thầy, lúc đó cuộc sống của tôi thật là nghèo nàn tạm bợ, ba bữa cơm cũng thành vấn đề, rất muốn đến trường học hành, nhưng điều kiện tài chánh không đủ, chẳng có khả năng đóng học phí. Tự mình phải đi tìm việc làm nuôi thân, thu nhập rất ít ỏi, vừa đủ để nuôi sống mà thôi, chẳng có dư nhiều.

Lúc đó tôi nghe nói giáo sư Phương Đông Mỹ ở Đài Loan là một nhà triết học rất nổi tiếng, hiện đang dạy trong trường đại học Đài Loan, lúc đó tôi nổi dậy một vọng tưởng, tôi liền viết một lá thư, tức viết một bài văn chương gửi cho Ngài xem, mục đích là hy vọng được dự thính nghe Ngài giảng bài, Ngài có thể cho phép tôi dự thính nghe Ngài giảng bài. Tôi viết lá thư đó là dùng bút lông viết chữ rất ngay ngắn, rất có quy củ, đã viết một bài văn chương, không dài, khoảng hai ngàn mấy chữ, cũng là dùng bút lông viết loại chữ Khải. Đây là gì? Đây là tâm thành kính. Tôi gửi cho Ngài xem, một tuần sau thì Ngài hồi âm cho tôi, hẹn tôi đến nhà của Ngài gặp mặt, đúng ngày đó tôi đến nhà Ngài gặp mặt. Sau khi gặp mặt tôi rất cung kính, đây là trong tâm của tôi đối với một vị đại đức, kính phục nhất, ngưỡng mộ nhất, Ngài mời tôi ngồi, hỏi tình trạng gia đình của tôi, Ngài hỏi tôi đã học đến lớp mấy, thì tôi trả lời: “Bởi vì trong thời kỳ kháng chiến, chiến loạn, phải đi tị nạn, trong thời

gian đó đã thất học ba năm, con chỉ học đến Trung Học cấp Một”. Ngài nhìn tôi và hỏi: “Ông có nói dối hay không?” Tôi nói: “Con nói thật, không dám nói dối với thầy”. Thì Ngài nói: “Ông viết lá thư này, ông viết bài văn chương này, các sinh viên trong trường đại học Đài Loan của chúng tôi cũng không viết được như vậy”. Cho nên Ngài hoài nghi tôi nói dối Ngài. Thì tôi nói với Ngài rằng: “Tuy con thất học, không có đến trường học hành nhưng con rất thích đọc sách, hầu như mỗi ngày con chẳng có rời khỏi đọc sách, rất thích đọc sách”. Lúc đó Ngài mới hiểu rõ, sau đó Ngài nói với tôi, hiện nay trong trường học, quý vị nên biết, sáu mươi năm trước, Ngài nói: “Trường học hiện nay, giáo sư không giống giáo sư, sinh viên không giống sinh viên, nếu ông đến trường học nghe giảng bài, ông sẽ vô cùng thất vọng”. Khi tôi nghe Ngài nói như vậy tựa như nước lạnh tưới lên đầu, tôi chỉ hy vọng đến trường học dự thính nghe Ngài giảng bài mà thôi, nhưng Ngài rõ ràng đã từ chối tôi, tôi nghe rồi cảm thấy rất buồn, tỏ ra vô cùng buồn bã.

Khoảng chừng năm phút sau, Ngài nói với tôi: “Thôi thì như vậy, mỗi tuần ngày Chủ Nhật, ông đến nhà tôi đây, tôi sẽ giảng bài cho ông hai tiếng đồng hồ”. Đây là chúng tôi nằm mộng cũng chẳng dám nghĩ đến, không đóng học phí, cũng chẳng cúng dường cái gì, Ngài không cho tôi đến trường dự thính mà Ngài bảo tôi đến nhà chỉ dạy một mình tôi, chúng tôi cảm thấy được ưu ái quá nhiều. Khoảng hai mươi năm sau thì tôi mới đột nhiên hiểu rõ vì sao Ngài chỉ dạy một mình tôi, đó chính là tâm thành kính của tôi, có lẽ Ngài thấy những sinh viên khác, không giống như tôi, đối với Ngài cung kính như vậy. Cũng là chứng minh lời của tổ sư Ấn Quang đã nói: “*Một phần thành kính thì được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích*”. Chúng tôi đã biểu hiện ra mười phần thành kính, cho nên Ngài chỉ dạy một mình tôi. Ngài đã giảng cho tôi một bộ Khái Luận Triết Học, một tuần giảng hai tiếng đồng hồ, vì tôi phải đi làm, chỉ có ngày Chủ Nhật mới có thì giờ đến nhà Ngài nghe giảng bài. Tôi đối với Phật giáo được nhận biết, chính là do Ngài giới thiệu.

Ngài đã giảng cho tôi một bộ Khái Luận Triết Học, sau cùng Ngài giảng cho tôi một bộ Triết Học Kinh Phật, Ngài bắt đầu giảng từ triết học phương Tây, giảng đến Trung Hoa, giảng đến Ấn Độ, sau cùng là giảng triết học kinh

Phật. Ngài nói rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật là một nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới”, chúng tôi chưa từng nghe nói qua “triết học kinh Phật là môn triết học cao nhất trên thế giới”, cũng chưa từng nghe qua “học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”, như vậy mới hóa giải được sự hiểu lầm của chúng tôi trước kia đối với Phật giáo. Trước kia chúng tôi đều nghĩ rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, là đa thần giáo, cũng chẳng sánh bằng với Cơ Đốc Giáo. Cơ Đốc Giáo chỉ có một vị thần, một vị chân thần duy nhất, còn Phật giáo thì cái gì cũng lạy, gọi là phiếm thần giáo, là đa thần giáo, trong các tôn giáo thuộc về tôn giáo bậc thấp nhất. Lúc đó tôi mới chuyển được cái quan niệm này, thật là chẳng dễ chuyển. Lúc đó tôi cũng rất hiếu kỳ, tôi hỏi Ngài: “Do đâu thầy học được triết học kinh Phật?” Chúng tôi rất tin lời Ngài nói, thì Ngài nói với tôi, trong thời kỳ tám năm kháng chiến, Ngài dạy ở trường đại học Trung Ương, có một năm Ngài bị bệnh, Ngài ở trên núi Nga Mi dưỡng bệnh.

Lúc đó tôi cũng không biết núi Nga Mi ở đâu, vì chẳng có đi qua, cho đến năm 2000 tôi đã có dịp lên đến núi Nga Mi, cùng đi với tôi có các phái đoàn đại biểu của chín đại tôn giáo của Tân Gia Ba đến Trung Hoa du lịch tham quan, do cục Tôn Giáo Trung Hoa thiết đãi. Họ cử một vị Trưởng Ty và một vị Phòng Trưởng cùng đi chung, họ sắp xếp hành trình cho chúng tôi lên núi Nga Mi tham quan, hoàn cảnh ở nơi đó đích thật là rất đẹp và ưu nhã. Ngài nói với tôi rằng, thời gian dưỡng bệnh ở trên núi Nga Mi rất dài, hình như ở hết mấy tháng. Ở trên núi không có báo chí, cũng chẳng có tạp chí, lúc đó cũng không có điện thoại, chẳng có cái gì để xem, chỉ có xem kinh sách, kinh Phật. Ngài ở trên núi xem kinh Phật, càng xem càng có thú vị, trong thời gian dưỡng bệnh Ngài đã nhận biết Phật giáo. Cho nên Ngài khẳng định, Phật giáo là triết học, Phật giáo không phải tôn giáo, Ngài đem cái quan niệm này giới thiệu cho tôi, tôi cũng kế thừa cái quan niệm này của Ngài.

Khi tôi nhận biết Phật giáo không lâu, khoảng chừng chẳng tới hai tháng, thì tôi rất may mắn quen biết với đại sư Chương Gia, tôi nói: “Giáo sư Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho con, con biết Phật pháp rất hay, là một môn đại học vấn”. Thì tôi xin thỉnh giáo với đại sư: “Có phương pháp nào khiến cho con rất mau được khế nhập cảnh giới của Phật pháp?” Thì Ngài

dạy tôi: “Con học Phật, trước tiên phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu con không nhận biết Phật, con sẽ dễ đi lạc đường”, người Hoa thì nói đi lầm đường, tức là đi sai đường. Cho nên trước tiên phải nhận biết Phật, Ngài dạy tôi nên xem quyển Thích Ca Phô và Thích Ca Phương Chí. Lúc đó ở Đài Loan rất khó tìm được hai quyển sách này, chỉ có đến trong tự viện tìm Đại Tạng Kinh, tìm được trong Đại Tạng Kinh thì tôi sao chép lại. Ở bên ngoài chẳng có bán loại sách này, chỉ có sao chép lại, cũng may là phân lượng của hai quyển sách này không nhiều. Từ đó tôi đã nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật là ý nghĩa gì? Phật là ý nghĩa... người Hoa nói là thánh nhân, còn Bồ Tát người Hoa nói là hiền nhân, tiếng Ấn Độ và tiếng Trung Hoa khác nhau nhưng ý nghĩa đều giống nhau. Cho nên tôi mới hiểu rõ cuộc đời và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta biết, Ngài xuất thân là một vị hoàng tử thông minh, hiếu học, năm mười chín tuổi Ngài rời khỏi gia đình xuất gia cầu học. Lúc đó ở Ấn Độ đích thật là một thời đại có nền văn hóa học thuật cao nhất trên toàn thế giới, bất luận là tôn giáo, tôn giáo ở Ấn Độ rất nhiều, học thuật, học phái cũng rất nhiều, đều có sự thành tựu rất huy hoàng. Đặc sắc của sự tu học của họ đều chú trọng tu thiền định, cho nên trong kinh Phật có nói Tứ Thiên, Bát Định, là do cổ lão Bà La Môn giáo truyền dạy, chúng ta có lý do để tin họ. Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài tu Tứ Thiên, Bát Định là tu được rất cao, trong cảnh giới thiền định, chẳng có không gian duy thứ, đã đột phá không gian duy thứ, cho nên có thể nhìn thấy, có thể tiếp xúc được tất cả cảnh giới trong lục đạo, tức là đã đột phá không gian duy thứ của lục đạo. Phía trên lục đạo có hai mươi tám tầng trời, phía dưới là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, đã thấy được tất cả. Chỉ cần quý vị tu học cái phương pháp này, quý vị có thể nhìn thấy, cho nên điều này tuyệt đối chẳng phải dối người.

Theo thông thường khi tu đến Đệ Bát Định thì không thể đột phá nữa, Đệ Bát Định nhìn thấy cảnh giới gì? Như người Hoa có nói: “*Hỗn độn mới khai, càn khôn vừa thành*”, người Hoa là nói như vậy, nghĩ rằng đây chính là nguồn gốc của vũ trụ, vũ trụ là từ nơi đó sanh ra. Theo cách nói này, Thích Ca Mâu Ni Phật không vừa ý, chắc chắn Ngài có nghi vấn, tại vì sao? Vì nếu chúng ta khế nhập cảnh giới này, tôi cũng có nghi vấn, ít nhất tôi có ba câu hỏi, - Lục đạo từ đâu mà có? Vì sao lại có lục đạo? Ngoài lục đạo còn có thể

giới hay không? Ít nhất tôi có ba câu hỏi này, có ba nghi vấn này. Lúc đó các tôn giáo và học thuật của Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp được, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật đã đi tham học mười hai năm. Năm mười chín tuổi Ngài bắt đầu đi tham học, đến năm ba mươi tuổi thành tựu, Không lão phu tử cũng là ba mươi tuổi thành tựu. Không lão phu tử năm mươi lăm tuổi có chí học hành, đến năm ba mươi tuổi thành tựu, Thích Ca Mâu Ni Phật năm ba mươi tuổi đại triệt đại ngộ. Làm sao được ngộ? Ngài nhập thiền định thâm sâu. Công phu thiền định, thật tại mà nói, cũng chẳng có giới hạn, tuyệt đối không phải chỉ có Đệ Bát Định. Công phu thiền định của A La Hán là Đệ Cửu Định, cao hơn Đệ Bát Định một bậc, A La Hán đã thoát ly lục đạo luân hồi.

Thiền định của Phật lại càng sâu hơn, tức là trong Thiền Tông thường nói: *“Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”*, hễ vừa kiến tánh hết thấy nghi vấn đều được giải đáp. Lúc đó Ngài bắt đầu đi giảng dạy, năm đó Ngài ba mươi tuổi, Ngài đã giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, lúc Ngài viên tịch là năm bảy mươi chín tuổi. Người Hoa thì nói hư tuế, nói tám mươi tuổi viên tịch, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong kinh nói, giảng kinh hơn ba trăm hội, nói hơn ba trăm hội, tức là người hiện nay chúng ta gọi là mở lớp, đã mở lớp hơn ba trăm lần, giảng dạy bốn mươi chín năm. Chúng tôi mới thật sự hoàn toàn hiểu rõ, Thích Ca Mâu Ni Phật, chức nghiệp của Ngài là gì? Chức nghiệp là giáo sư. Trong kinh Phật có nói Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán như những học vị của trường học hiện nay Tiên Sĩ, Thạc Sĩ, Học Sĩ, nó là danh xưng của học vị. Học vị cao nhất là Phật Đà, kế đến là Bồ Tát, thấp nhất là A La Hán, A La Hán, họ đã ra khỏi lục đạo luân hồi, đây là A La Hán. Nếu siêu việt thập pháp giới là Phật Đà, Bồ Tát vẫn còn ở trong thập pháp giới, họ chưa ra khỏi thập pháp giới, thành Phật thì đã ra khỏi thập pháp giới, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Cho nên trong kinh Phật nói: *“Tất cả chúng sanh vốn là Phật”*, chúng sanh vốn là Phật, vì mê mới có thập pháp giới, mới có lục đạo luân hồi. Mê được nhẹ là Tứ Thánh pháp giới, mê được nặng là lục đạo luân hồi, lục đạo và thập pháp giới chẳng phải thật, trong kinh Phật thường đem nó thí dụ như là cảnh mộng. Thập pháp giới là cảnh mộng, lục đạo là cảnh mộng trong mộng, đến khi quý vị tỉnh cơn mộng, chẳng còn có lục đạo thì Tứ Thánh pháp

giới hiện ra. Quý vị từ cảnh mộng trong cảnh mộng tỉnh dậy, nhưng vẫn còn trong mộng, phải tỉnh mộng một lần nữa, lúc đó mới thật sự tỉnh mộng, là không còn có thập pháp giới. Cảnh giới gì hiện ra? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật, Bồ Tát hiện ra, thật sự là chân thật. Nói rõ thập pháp giới và lục đạo là giả, chẳng phải chân thật, thì chân thật mới hiện ra, chân thân thể, chân Ngã đã hiện ra. Trong thập pháp giới và lục đạo không có chân Ngã, cho nên nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trong thập pháp giới và lục đạo hoàn toàn là ảo giác, chẳng có vô ngã, thế nhưng, sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ thì có chân thật, có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Tứ Tịnh Đức là chân thật, chẳng phải giả, tại vì sao? Vì có chân Ngã.

Ngã, định nghĩa của chữ Ngã này, trong Phật pháp có nói rất nhiều, chủ yếu có hai ý nghĩa. Ngã có nghĩa là chủ tử, ý nghĩa thứ hai là tự tại, chúng ta nghĩ xem, nay chúng ta xem cái thân thể này là ta, có thể làm chủ được cái thân thể này hay không? Nếu làm chủ được, điều đầu tiên là ta hy vọng mỗi năm mười tám, có được hay không? Không già, không yếu, không bệnh, không chết, mới gọi là làm chủ được, nếu không làm chủ được thì chẳng có cách nào, bất cứ người nào cũng không làm chủ được. Năm tháng chẳng tha người, từng ngày từng ngày quý vị sẽ già yếu, vì quý vị chẳng làm chủ được. Điều thứ hai, quý vị không được tự tại, không được thì chẳng thể tùy theo ý muốn, chẳng thể làm được. Thế nhưng cái Ngã đó trong Thật Báo Độ thì đã làm được, minh tâm kiến tánh, cái Ngã đó thật sự làm chủ được.

Vô Lượng Thọ, trong cõi thế giới đó chẳng có thay đổi, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, Phật đã chứng được, Phổ Hiền Bồ Tát đã chứng được, các Ngài hy vọng chúng ta cũng có thể chứng được. Đó là cảnh giới gì? Trong Phật giáo thường nói: “*Bổn lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh*”, thì ra tông chỉ giảng dạy của Phật giáo chính là phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, câu này nói chẳng sai. Lìa cái khổ gì? Được cái vui gì? Quý vị không thể tưởng tượng được. Là lìa cái khổ của lục đạo luân hồi, lìa cái khổ biến dịch sanh tử của Tứ Thánh pháp giới, rất ít người biết được điều này. Được cái vui gì? Là được cái vui cứu cánh viên mãn. Tại vì sao? Vì quý vị vốn có. Hưởng cái vui cứu cánh viên mãn, đây chẳng phải Phật cho quý vị, cũng không phải quý vị tu được mà là quý vị vốn có. Nay quý vị đã mê mất tự tánh, đang trong cảnh

ác mộng, nay chẳng có gì khác là phải đánh thức quý vị từ trong cơn ác mộng, gọi quý vị trở về, đây là mục đích, tông chỉ giảng dạy của Phật pháp. Thế nhưng việc độ chúng sanh này, tuy Phật, Bồ Tát rất từ bi, các Ngài có lòng đại từ, đại bi đến giáo hóa chúng sanh, rất là đáng tiếc, chúng sanh không tin, chúng sanh chẳng chịu tiếp nhận, họ chỉ muốn an phận trong cảnh mộng. Trong cảnh mộng có khổ, có vui, họ nghĩ rằng là thật, họ không biết mình đang nằm mộng.

Lúc Phật còn tại thế giảng kinh, đích thật cố nhân thành thật hơn chúng ta, họ có tâm nhẫn nại đến nghe Phật giảng kinh, họ có cái thiện căn này, có thể lãnh ngộ những đạo lý của Phật nói. Y theo những đạo lý này mà tu hành. Tu hành là gì? Trên thực tế, tu hành chính là buông bỏ, buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, đây mới là thật sự tu thiền định. Khi đã có định lực, Phật nói cái cảnh giới này sẽ dần dần hiện ra, từ chỗ này mà xây dựng lòng tin và xây dựng hồng nguyện, phải thành tựu cho mình, trở về với tự tánh. Trở về với tự tánh chính là câu: *“Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”* trong Tứ Hoàng Thế Nguyện. Phải tu dưỡng đức hạnh, thành tựu học vấn, đó là trong tự tánh vốn có đầy đủ, sau khi mình tâm kiến tánh, thấy đều đã khôi phục lại. Có trí tuệ, có đức năng, có vô lượng thần thông và phương tiện, mới có năng lực giống như Phật vậy, tùy loại ứng hiện các thân để giúp đỡ cho tất cả chúng sanh vẫn còn đang mê hoặc điên đảo. Như cổ Phật đến giúp đỡ cho chúng ta vậy, nay chúng ta đã thành Phật cũng phải phát tâm đi giúp đỡ chúng sanh, phải nên hiện thân gì được độ thì hiện thân đó, phải nên giảng pháp môn gì cho họ thì giảng pháp môn đó. Khi họ tiếp xúc được, thấy được, nghe được, họ sanh tâm vui mừng, họ có thể hết lòng tu học, họ sẽ được thành tựu.

Phật, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian này, từ phương diện nào bắt đầu giáo hóa? Từ lễ kính. Quý vị phải biết, giáo hóa bắt đầu từ lễ kính chư Phật, nói đến lễ kính chư Phật, chư Phật có quá khứ Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh, Phật giới thiệu cho chúng ta, có một ngàn vị quá khứ Phật, có mười ngàn vị quá khứ Phật. Trong kinh điển, có kinh Vạn Phật Danh, tức là những danh hiệu của chư Phật, có kinh Thiên Phật Danh, đều là nói quá khứ Phật. Có hiện tại Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giới thiệu cho chúng ta

hiện tại chư Phật vẫn còn trụ thế, không ở thế giới này của chúng ta, mà là ở tha phương thế giới. Ngài giới thiệu hiện tại chư Phật cho chúng ta rất nhiều, đặc biệt trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài nói mười phương thế giới chư Phật, mỗi một phương cũng có chư Phật ở đó giáo hóa chúng sanh. Còn vị lai chư Phật? Vị lai chư Phật ở đâu? Tất cả chúng sanh đều là vị lai chư Phật. Cho nên Phật đối với chúng sanh chẳng dám khinh mạn, tại vì sao? Vì Ngài biết quý vị tương lai nhất định sẽ làm Phật, Ngài dùng lễ tiết gì để đối với quý vị? Ngài dùng lễ tiết của Phật để đối với quý vị. Đây là Phật đối với chúng sanh. Chúng ta nhìn thấy Phật cũng phải rất cung kính đánh lễ ba lạy, Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy Ngài đánh lễ ba lạy, hình như Thích Ca Mâu Ni Phật không có hành lễ? Không phải, đó là hình thức.

Quý vị nên biết, Phật pháp chú trọng thực chất, chẳng chú trọng hình thức. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn thấy quý vị, đánh lễ ba lạy, sẽ làm cho quý vị sợ hãi chạy mất, quý vị còn dám theo Ngài tu học hay sao? Căn tánh của quý vị như thế nào, Phật dùng thái độ như thế đó để đối với quý vị, đó là Phật biểu hiện bên ngoài, nhưng trong nội tâm, Ngài rất cung kính đối với quý vị cũng như cung kính đối với tất cả chư Phật Như Lai, không khác. Chỉ chú trọng thực chất, không chú trọng hình thức, hình thức có khác biệt, căn tánh của chúng sanh khác nhau cho nên Phật dùng thiện xảo phương tiện cũng khác nhau, nhưng trong nội tâm của Phật, cái tâm chân thành, cung kính đó là bình đẳng, là như nhau. Cho nên tuyệt đối là bình đẳng, cung kính, lễ kính, chúng ta nhất định phải biết rõ điều này.

Trong kinh điển Đại Thừa thường nói: “*Tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh*”, trong câu này chú trọng ở nơi chữ Phật. Phật là ý nghĩa gì? Phật có nghĩa là giác ngộ, Phật có nghĩa là trí tuệ, hay nói cách khác, trong tự tánh của tất cả chúng sanh, vốn có đầy đủ trí tuệ viên mãn, bản năng vốn có đại giác viên mãn, đây chẳng phải từ bên ngoài mà có. Mà nay tại sao không có? Vì nay họ đã mê mất. Tại sao mê mất? Vì họ khởi tâm động niệm, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm thì đã mê mất, đó là vô minh. Vốn là minh mà nay không minh, do vô minh họ mới khởi tâm phân biệt, phân biệt là sự mê hoặc lớp thứ hai, do phân biệt mà họ có chấp trước, chấp

trước là sự mê hoặc lớp thứ ba. Cho nên chúng sanh trong lục đạo thì mê hoặc quá sâu, đó là vô minh, phân biệt, chấp trước, thấy đều có đủ. Chúng sanh trong lục đạo hoàn toàn đã mê mất trí tuệ và giác ngộ, chẳng có trí tuệ là ngu si, chẳng có giác ngộ là mê hoặc điên đảo, vì đã mê mất trí tuệ và giác ngộ, cho nên họ đối với bản thân mình, đối với hoàn cảnh, đã nghĩ sai và đã nhìn sai, đương nhiên họ đã nói sai và đã làm sai. Những sai lầm này khiến cho họ chịu lấy khổ báo. Sự khổ báo này là gì? Khổ báo chính là lục đạo, lục đạo là quả. Quả từ đâu mà có? Là do họ tạo nhân mà có, trong cái nhân quả này có thiện và ác.

Quý vị nên biết, người đoạn ác tu thiện tức là đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, nhưng họ chưa đoạn phân biệt, chấp trước thì quả báo ở tại đâu? Vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo. Nếu họ tạo tác những điều ác nghiệp, họ sẽ đọa vào ba đường ác trong lục đạo, ba đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Ngày hôm trước có vị đồng tu đã tải một tư liệu trong Internet nói về lục đạo luân hồi đem cho tôi xem, tôi đã xem qua và tôi cũng cho mọi người xem. Nói ở Ấn Độ có một cậu bé mười sáu tuổi bị xe đụng chết, trước khi nó sắp chết, bảo với người nhà rằng, nó đã từng sống chung với gia đình này năm lần. Lần đầu tiên nó đầu thai vào gia đình này là một bé trai đến sáu tuổi thì chết, lần thứ hai nó vẫn ở trong gia đình này đầu thai làm con ong, lần thứ ba nó đầu thai làm con ruồi, lần thứ tư nó đầu thai làm con rắn, bị người nhà nó đập chết. Cho nên lần này là lần thứ năm nó được thân người, đến mười sáu tuổi bị xe đụng chết, đây là nói lục đạo luân hồi đầu thai làm người, làm súc sanh. Người nhà của nó chẳng biết con rắn đó là con trai của họ đến đầu thai, nếu họ biết là con trai của mình, họ làm sao nhẫn tâm đập chết nó? Quý vị thấy, chỉ cần thay đổi một thân thể khác, chẳng còn nhận biết nhau, đầu thai làm con ruồi, người nhà làm sao biết được, cũng sẽ đập chết nó, đây là nói rõ, thật sự có lục đạo.

Hiện nay ở ngoại quốc, tôi không biết ở địa phương này có thuật thôi miên hay không, nếu thôi miên đến mức độ sâu sẽ khiến cho con người trở về đời quá khứ, biết được trong quá khứ là thân phận gì, một người khi bị thôi miên tự họ sẽ nói ra, họ nhớ được tất cả, như đứa bé này đã trải qua năm đời, thọ mạng cũng chẳng dài, nó đầu thai làm con ruồi, đầu thai làm con ong,

mạng sống cũng chẳng dài, cho nên nó biết rõ đời trước của nó. Đời trước của nó làm thân người, cũng đầu thai làm con ruồi, người khác không biết nhưng nó biết rõ. Cho nên chúng ta chẳng thể coi thường những động vật nhỏ, nó biết rõ đời trước của nó, chúng ta thì không biết. Đây là chứng minh để cho chúng ta tin có lục đạo luân hồi, nếu đi thu thập những tư liệu này thì có rất nhiều chứng minh thật có lục đạo luân hồi. Vào khoảng nửa thế kỷ này, ở phương Tây, thời gian tôi sống ở nước Mỹ cũng khá lâu, ở nước Mỹ có rất nhiều bác sĩ tâm lý, cũng tức là trong nửa thế kỷ này, những người mang bệnh tâm lý càng ngày càng nhiều. Mà những bác sĩ tâm lý dùng phương pháp trị liệu cho họ, phần nhiều đều dùng thuật thôi miên để tìm ra căn bệnh của họ, sau khi tìm ra căn bệnh là họ đã hiểu rõ, khi họ đã hiểu rõ liền chuyển biến tâm thái thì rất dễ trị liệu. Cho nên thuốc men chữa trị bệnh tật, thật ra chỉ có hiệu quả ba phần, mà chuyển biến tâm thái là có hiệu quả bảy phần, điều này hoàn toàn là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Trước tiên phải buông bỏ những quan niệm sai lầm khi sắp chết, con người có chết hay không? Không có chết. Chỉ là thay đổi một thân thể khác mà thôi, thay đổi thân thể gì? Chớ nên thay đổi thân ruồi hoặc thân rắn, bởi vì mọi người đều chán ghét ruồi và rắn, tự chúng ta cũng chẳng thích, phải đổi thân người, phải đổi thân thiên nhân, phải lên cõi trên, chẳng nên đọa lạc vào cõi dưới. Muốn lên cõi trên, phải tu dưỡng luân lý, đạo đức, là giúp cho chúng ta nâng cao cảnh giới, nếu như gặp phải tôn giáo, tôn giáo nào cũng tốt. Bất luận tôn giáo nào cũng có thể giúp cho quý vị sanh lên cõi trời, đây hoàn toàn là sự thật. Thế nhưng, Phật pháp có thể giúp cho quý vị ra khỏi lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới, cho nên Phật pháp vô cùng thù thắng. Chúng ta chẳng thể không cảm tạ Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu chẳng phải Ngài xuất hiện ở cõi thế gian này, chúng ta chỉ biết được thiên đạo là cao nhất, cho nên rất nhiều người ngưỡng mộ thiên nhân, cũng ngưỡng mộ thiên đường.

Chúng ta tu học, phải noi theo thái độ tu học và tinh thần tu học của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc Ngài còn tại thế, cùng với Khổng Tử của Trung Hoa rất tương tự. Thế nhưng khi Khổng Tử học hành, tâm rất muốn đi làm quan, Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn toàn khác với Khổng Tử về điểm này, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thân là một vị hoàng tử, nếu khi Ngài học hành trở về

nhà có thể kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài chẳng màng, Ngài xả bỏ ngôi vua, Ngài sống cuộc sống của một vị Tăng khổ hạnh để giáo hóa chúng sanh. Nay dùng nhãn quan của chúng ta để nhìn Ngài, Ngài là một vị thầy vô cùng vĩ đại, Ngài là một nhà giáo dục xã hội rất phi thường, điều hiếm có nhất là “*hữu giáo vô loại*”, nghĩa là Ngài giảng dạy, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo. Chỉ cần quý vị tìm đến Ngài, Ngài nhất định sẽ chỉ dạy cho quý vị, nhiệt tâm mà dạy cho quý vị. Người Hoa thường nói, một phần cung kính thì dạy một phần cho quý vị, hai phần cung kính thì dạy hai phần cho quý vị. Còn Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài chẳng nói câu này, bất luận tâm thái của quý vị như thế nào, đến tìm Ngài, Ngài đều dạy hết cho quý vị, thật là hiếm có, đây gọi là đại từ đại bi. Ngài là một vị làm công tác nghĩa vụ, làm mà không nhận học phí, Ngài hoàn toàn là tự nguyện giảng dạy, điều này thật là hiếm có.

Chúng ta phải hiểu rõ việc làm của Ngài thì mới biết được Ngài hoàn toàn khác với tôn giáo, nhưng người hiện nay đã xem Ngài là tôn giáo, có cách nhìn này là điều quá đỗi sai lầm, chẳng có xem kỹ trong kinh điển của Ngài, Ngài đã nói những gì, Ngài đã dạy những gì, đã hiểu lầm Ngài là một vị tôn giáo. Thế nhưng hiện nay, thật tại mà nói, các tự viện am đường của Phật giáo ngày nay đích thật đã trở thành tôn giáo, đã biến chất, đã trở thành tôn giáo. Chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó, mà phải nói như thế nào? Phải nói là Phật giáo tôn giáo, phải nói như vậy mới đúng, mới không oan ức cho Thích Ca Mâu Ni Phật. Bản thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Bản thân của Ngài là Phật giáo giáo dục, đây mới chính đáng, Ngài là một nhà giáo dục, là Phật giáo giáo dục. Hiện nay ngoại trừ Phật giáo tôn giáo ra, còn có rất nhiều Phật giáo khác, như Phật giáo học thuật, thuộc về học thuật, hiện nay trong các trường đại học có mở lớp giảng Phật học. Giáo sư Phương Đông Mỹ lúc cuối đời, thầy dạy ở trường đại học Đài Loan, hoàn toàn giảng về kinh Phật, thầy giảng gồm có ba môn, giảng một môn phải mất mấy năm. Thầy có giảng qua Phật Học Đại Thừa, Phật Học Ngục Tấn và Phật Học Tùy Đường. Sau khi thầy về hưu, thầy đến trường đại học Phụ Nhân của giáo hội Thiên Chúa Giáo giảng Phật Học Hoa Nghiêm cho ban tiến sĩ. Tôi quen biết với thầy hai mươi mấy năm, thầy dạy trong trường hai mươi mấy năm, toàn là giảng

kinh Phật, thật là rất ít thấy, rất ít thấy.

Cho nên nói đến chúng sanh, chúng sanh đều có Phật tánh, cái Phật tánh này tức là họ có trí tánh, có giác tánh, đương nhiên họ có thể thành Phật. Phật lại nói đến vô tình chúng sanh, vô tình là nay chúng ta gọi khoáng vật, thực vật, động vật là hữu tình, tức có cảm tình, thực vật và khoáng vật không có cảm tình. Phật lại nói, nó có pháp tánh, vô tình chúng sanh có pháp tánh. Pháp tánh và Phật tánh là một tánh, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có nói một câu danh ngôn là: “*Tình và vô tình, đồng viên chủng trí*”, tức là hữu tình và vô tình đồng viên là đều có thể đạt đến chủng trí viên mãn, chủng trí là thành Phật, mà Phật đã chứng được gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. A La Hán, họ đã chứng được là Nhất Thiết Trí, A La Hán đã chứng được là họ đã ra khỏi lục đạo luân hồi. Trong Nhất Thiết Trí, chủ yếu là nói vạn pháp đều Không, đây là Nhất Thiết Trí, chẳng có ngoại lệ cùng với trong kinh Bát Nhã nói như nhau: “*Tất cả pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”, A La Hán đã chứng được. Còn Bồ Tát lại cao minh hơn A La Hán, Bồ Tát cũng chứng được Nhất Thiết Trí, cũng biết được Đạo Chủng Trí. Đạo Chủng Trí tức là biết rõ vạn sự, vạn vật, biết rõ lý lẽ sự thành hình và lý lẽ sự tồn tại như thế nào, mà A La Hán không biết, Bồ Tát biết. Tất cả ảo tướng, y chánh trang nghiêm trong lục đạo và thập pháp giới từ đâu sanh ra? Bồ Tát rất biết rõ, đó gọi là gì? Là Đạo Chủng Trí. Chủng là các thứ sự vật trong vũ trụ, Bồ Tát đều biết rõ, những hiện tượng khác biệt, Bồ Tát cũng đều biết rõ.

Đến khi viên thành Phật đạo, chứng được hai thứ trí tuệ này, đều viên mãn, cho nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, Chủng Trí tức là Đạo Chủng Trí. A La Hán chứng được Nhất Thiết Trí, Bồ Tát chứng được Đạo Chủng Trí, Phật mới chứng được viên mãn, cho nên trong kinh nói “*tình và vô tình, đồng viên chủng trí*”. Hay nói cách khác, quý vị tu hành, tương lai lúc thành Phật, quý vị sẽ thấy được cây cối, hoa cỏ, núi sông, đất đai đều đã thành Phật, cái cảnh giới này, chúng ta nghĩ không thông, đúng là nghĩ không thông, tại vì sao? Vì quý vị nghĩ là vọng tưởng, vọng tưởng làm sao có thể thông? Trí tuệ chân thật, trí quan chiếu kiến là đã thông, vọng tưởng là nghĩ không thông. Nhất định là phải có trí tuệ chân thật, cho nên “*tình và vô tình, đồng viên chủng trí*”, vì vậy chúng ta đối với vô tình chúng sanh phải cung kính, cũng

tức là, đối với cây cối hoa cỏ cũng phải cung kính, đối với núi sông đất đai cũng phải cung kính, đối với hiện tượng thiên nhiên cũng phải cung kính, thì mới gọi là chư Phật.

Tất cả đều là chư Phật, người thật sự học Phật, khi nhìn thấy một con kiến, liền chấp tay xưng là Kiến Bồ Tát, nhìn thấy một con ruồi liền xưng là Ruồi Bồ Tát, nhìn thấy một cọng cỏ xưng là Cọng Cỏ Bồ Tát, Thần Cây Bồ Tát, Thần Hoa Bồ Tát. Đây chẳng phải là mê tín, mà là cung kính, là lễ kính chư Phật. Tại vì sao? Vì cùng một tự tánh biến hiện ra. Quý vị đọc trong bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, có nói rất tường tận, toàn cả vũ trụ, vạn sự, vạn vật, là một thể, là một “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Điều do một cái thể này biến hiện ra, cho nên thể là một cái, là tự tánh, “*tự tánh viên minh*”, đây là nói tánh đức của tự tánh, Viên là viên mãn, Minh là trí tuệ, viên cũng là nói đức hạnh viên mãn, nay chúng ta gọi là giác ngộ viên mãn, tướng hảo viên mãn. Nay chỉ nói trí tuệ, minh là trí tuệ, đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, Phật có nói: “*Tất cả chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai*”. Cho nên chữ “*viên*” là đức tướng, chữ “*minh*” là trí tuệ, tự tánh viên minh thể, trong triết học nói đây là bản thể.

Toàn cả vũ trụ từ đâu sanh ra? Từ tự tánh biến hiện ra, ta là do tự tánh biến hiện ra, con người cũng từ tự tánh biến hiện ra, Phật cũng do tự tánh biến hiện ra, Bồ Tát vẫn là tự tánh biến hiện ra, cho đến cây cối, hoa cỏ, núi sông, đất đai cũng là tự tánh biến hiện ra, là một thể. Là một thể. Khắp pháp giới, hư không giới, cùng với mình là quan hệ gì? Là một thể, quý vị cung kính nó chính là cung kính tự tánh, đây là vũ trụ nhân sinh quan của Hoa Nghiêm. Khi đã là một thể thì làm sao có đối lập? Tìm chẳng ra có đối lập. Không có đối lập thì làm sao có mâu thuẫn? Thì làm sao có xung đột? Thì tất cả vấn đề đều đã giải quyết. Cho nên tu học kinh Hoa Nghiêm, tu hạnh Phổ Hiền, nhất định chúng được đại viên mãn và cứu cánh viên mãn. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật.